

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 545/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 7 - 2020.

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cao Thị Chính
2. Bà Trương Thị Thu Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2020/TLST-HN ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Võ Thị T.Th, sinh năm: 1982; địa chỉ: 18B/8 N.T, TP. Q.N, tỉnh BĐ.

*Bị đơn:* Anh Trần Tuấn H, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ 63, KV8, P. N.B, TP. QN, tỉnh BĐ.

*(Chị Th có mặt, anh H vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị T.Th trình bày:*

Chị và anh Trần Tuấn H trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu khoảng 5 năm, đến ngày 26/11/2009 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường NB, TP. QN, tỉnh BĐ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, anh không chịu đi làm, kinh tế trong gia đình luôn trong tình trạng khó khăn. Mâu thuẫn của vợ chồng cha mẹ hai bên đều biết, đã nhiều lần hàn gắn cho anh chị nhưng không được, anh H không tu chí làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, chị đã nhiều lần thông cảm bỏ qua nhưng anh H vẫn không thay đổi, thậm chí còn hăm dọa và đánh đập chị.

Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, nay chị không còn tình cảm với anh H, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Vũ H.Hg, sinh ngày 20/3/2011. Hiện nay con chung đang sống với chị, sức khỏe tốt. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*\*Bị đơn anh Trần Tuấn H trình bày tại bản khai ngày 23/3/2020:*

Anh thống nhất về điều kiện kết hôn như chị Th đã khai. Theo anh trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ về tiền bạc, vợ chồng có buồn bực. Ngày 14/10/2019 anh có uống rượu bia với bạn ở chỗ làm, khi về nhà vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau, do nóng giận, thiếu kiềm chế nên anh có tát vào mặt chị Th. Anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột anh sinh sống từ ngày 15/10/2019 cho đến nay.

Nay chị Th yêu cầu được ly hôn, anh không đồng ý. Anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, không đáng để ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Vũ H.Hg, sinh ngày 20/3/2011. Hiện nay con chung đang sống với chị Th, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.QN phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Võ Thị T.Th đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật

TTDS. Bị đơn anh Trần Tuấn H không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật TTDS

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:* Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị T.Th xin ly hôn anh Trần Tuấn H.

- Con chung: Chị Th, anh H có 01 con chung là Trần Vũ H.Hg, sinh ngày 20/3/2011. Giao cháu Hg cho chị Th nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

- Tài sản chung: Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Án phí HNGĐ: Chị Võ Thị T.Th phải chịu 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Tuấn H là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị Võ Thị T.Th và anh Trần Tuấn H kết hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường NB, TP. QN, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H sống không có trách nhiệm với vợ con, không chịu đi làm, không lo kinh tế cho gia đình, khi chị nhắc nhở anh còn đánh chị. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi, không chịu đi làm, mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị lo liệu. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Chị không còn tình cảm với anh H, nên chị xin ly hôn anh Trần Tuấn H để ổn định cuộc sống.

Tại bản khai ngày 23/3/2020, anh H cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng nhỏ về tiền bạc, kinh tế gia đình, vợ chồng có buồn bực. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng con còn nhỏ, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng. Tuy anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh đã trực tiếp nhận các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nhưng anh không đến Tòa làm việc điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị T.Th được ly hôn anh Trần Tuấn H là phù hợp với Điều 51, 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị Th và anh H có một con chung là Trần Vũ H.Hg, sinh ngày 20/3/2011. Ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Anh H cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Tòa xét: Việc nuôi con sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Hiện nay cháu Trần Vũ H.Hg đang sống với chị Th, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cho cháu Hg, HĐXX xét thấy nên tiếp tục giao cháu Trần Vũ H.Hg cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hg.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tòa xét: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Th cho rằng anh H không có việc làm ổn định, hiện nay anh làm nghề gì, mức thu nhập hàng tháng của anh bao nhiêu chị cũng không biết. Tuy nhiên theo quy định pháp luật thì cha mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, nhưng mức cấp dưỡng phải phù hợp vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Do đó, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của chị Th, buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Hg đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí : Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội chị Võ Thị T.Th phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

Anh Trần Tuấn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố QN phát biểu phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị T.Th được ly hôn anh Trần Tuấn H.

2- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Chị Võ Thị T.Th và anh Trần Tuấn H có một con chung là Trần Vũ H.Hg, sinh ngày 20/3/2011.

2.2. Giao cháu Trần Vũ H.Hg cho chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3 Anh Trần Tuấn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Hg đủ 18 tuổi.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.*

3 - Tài sản chung: Chị Võ Thị T.Th không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4 - Án phí HNGĐST: Chị Võ Thị T.Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007668 ngày 05/3/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố QN.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Tuấn H phải chịu 300.000đ.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Ngọc Lan**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận :***

- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Ngọc Lan**



